

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27/3/2019

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Mau và ông Trần Văn Ất.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 về “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Tổ 5, phường T, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Bị đơn: Ông Tống Đình H, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Tổ 5, phường Nghĩa T, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A và ông Tống Đình H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1986 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Những năm gần đây vợ chồng ông bà thường xuyên mâu thuẫn về vấn đề kinh tế và tình cảm nên dẫn đến ông H nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình. Bà A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông bà đã sống ly thân 02 năm, nay nhận thấy không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Tống Đình H.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị A và ông Tống Đình H có 04 người con chung đều đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Tống Đình H trình bày:

Về hôn nhân: Ông H thừa nhận lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A đúng. Do tính ông nóng lên đã 05 lần có hành vi đA bà Nguyễn Thị A, ông chỉ đồng ý ly hôn khi nào bà A chia tài sản chung.

Về con chung: Ông Tổng Đình H không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Tổng Đình H không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và các đương sự đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân vì vậy Tòa án xác định vụ án “*Ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn cư trú tại tổ 5, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, vì vậy Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị A và ông Tổng Đình H chung sống với nhau từ năm 1986 không đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân thực tế, theo điểm a khoản 3 Nghị quyết 35 /2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn.

[3] Xét thấy Tổng Đình H *có hành vi bạo lực gia đình*. Mặt khác, qua xác minh tại nơi cư trú thể hiện tình trạng hôn nhân trầm trọng, hiện ông H và bà A đã sống ly thân 02 năm. Nay bà A yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

...”

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị A và ông Tống Đình H có 04 người con chung đều đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị A và ông Tống Đình H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A ly hôn với ông Tống Đình H.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí.

Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000106 ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã Ký

Nguyễn Văn Giang